

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04-5-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn

Ông Nguyễn Văn Điển

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXX-ST ngày 17 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T; sinh năm 1981; ĐKNKTT: Đường X, phường HV, quận HB, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn CK, xã HT, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Ông Đỗ Đức P; sinh năm 1958; địa chỉ: Đường X, phường HV, quận HB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 4 năm 2017 và được bổ sung bằng lời khai tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày:

Bà (Bùi Thị T) và ông Đỗ Đức P kết hôn từ năm 2004, do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HV, quận HB, thành phố Hải Phòng.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó giữa hai bên nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do con trai riêng của ông P với người vợ đầu đi cai nghiện tập trung trở về, sống cùng bà T, ông P và 02 con chung của ông bà. Quá trình chung sống, giữa bà T và con riêng của ông P thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến cãi vã, xô xát. Bà T nhiều lần phản ánh việc này với ông P nhưng ông P luôn bênh vực con riêng và nhiều lần có hành vi bạo lực đối với bà T. Ngoài ra, vợ chồng còn bất đồng về lối sống khiến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Hai bên đã sống ly thân, không ai còn trách nhiệm với ai từ đầu năm 2015 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông P theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà T và ông P có 02 con chung là Đỗ Đức M, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2004 và Đỗ Đức T, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2009, hiện đang chung sống cùng bà T. Ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông P đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà T đề nghị Tòa án để hai bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 9 năm 2017 và tại phiên tòa, bị đơn ông Đỗ Đức P trình bày:

Ông (Đỗ Đức P) và bà T xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường HV, quận HB, thành phố Hải Phòng từ năm 2004. Quá trình chung sống, vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn nhưng theo ông thì những mâu thuẫn này chưa đến mức trầm trọng nên ông P vẫn mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ cùng nhau nuôi dưỡng 02 con chung trưởng thành. Nhưng nếu bà T vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu của mình thì ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông P xác nhận hai bên có 02 con chung là Đỗ Đức M, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2004 và Đỗ Đức T, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2009, hiện đang chung sống cùng bà T. Trường hợp vợ chồng ly hôn, ông P có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con Đỗ Đức T, bà T trực tiếp nuôi dưỡng con Đỗ Đức M cho đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Ông P đề nghị Tòa án để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Bùi Thị T được ly hôn với ông Đỗ Đức P; về con chung: Giao con chung là Đỗ Đức M, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2004 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Đỗ Đức T, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2009 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ai nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung: Hai bên đều đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết; về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị T kết hôn với ông Đỗ Đức P vào năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường HV nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P là hợp pháp.

[2] Về căn cứ cho ly hôn: Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông P nhiều lần đánh bà T nên hôn nhân không có hạnh phúc. Từ đầu năm 2015, bà T đã cùng 02 con chung của ông bà về nhà ngoại sinh sống, vợ chồng ly thân nhau, không ai quan tâm tới ai.

Bản thân ông P cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn. Nhưng ông P vẫn mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ để cùng nuôi dưỡng 02 con trưởng thành. Tuy nhiên nếu bà T vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn thì ông P cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy ông P đã nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân lâm vào trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P. Việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông P là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà T và ông P có 02 con chung là Đỗ Đức M, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2004 và Đỗ Đức T, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2009. Tại phiên tòa, hai bên đều nhất trí giao con chung là Đỗ Đức M cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Đỗ Đức T cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Việc thỏa thuận mỗi người nuôi 01 con chung là phù hợp với ý chí của các bên đương sự; phù hợp với hoàn cảnh thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu bên nào lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của họ theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Bà T đề nghị để các bên tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông P không có yêu cầu gì về phân chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các bên sẽ tự giải quyết với nhau, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là bà Bùi Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị T được ly hôn ông Đỗ Đức P.

2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Đức M, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2004 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Đỗ Đức T, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2009 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên nếu bên nào lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của họ.

3. Về án phí: Bà Bùi Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng

theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009846, ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND P. HV, Q. HB;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Trung Dũng